

Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa số 18/1999/PL-UBTVQH10 ngày 24 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Pháp lệnh Giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24 tháng 3 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Nông nghiệp, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục giống cây trồng phải chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn gồm:

1. Giống lúa cấp siêu nguyên chủng, nguyên chủng;
2. Giống lúa lai;
3. Giống ngô lai.

Điều 2. Trong từng thời kỳ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ điều chỉnh bổ sung Danh mục này nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Nông nghiệp, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ

trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Thủ trưởng

Bùi Bá Bổng

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông
thôn số 60/2004/QĐ-BNN ngày
04/11/2004 về việc ban hành
Danh mục giống cây trồng phải
áp dụng tiêu chuẩn ngành.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa số 18/1999/PL-UBTVQH 10 ngày 24 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Pháp lệnh Giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24 tháng

3 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Nông nghiệp, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: Danh mục giống cây trồng phải áp dụng Tiêu chuẩn ngành.

Điều 2. Trong từng thời kỳ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ điều chỉnh, bổ sung Danh mục này nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Nông nghiệp, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thứ trưởng

Bùi Bá Bổng

DANH MỤC GIỐNG CÂY TRỒNG PHẢI ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN NGÀNH
(ban hành kèm theo Quyết định số 60/2004/QĐ-BNN ngày 04/11/2004
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Số thứ tự	Mục	Tiêu chuẩn áp dụng	Ghi chú
I. Các giống cây trồng thuộc loài			
1	Lúa	10 TCN 311-2003	Lúa lai 3 dòng
2	Ngô	10 TCN 312-2003	Ngô lai
		10 TCN 313-2003	Ngô thụ phấn tự do
3	Lạc	10 TCN 315-2003	
4	Đậu tương	10 TCN 314-2003	
5	Đậu xanh	10 TCN 472-2003	
6	Khoai tây	10 TCN 316-2003	
		10 TCN 528-2003	Giống sản xuất từ hạt lai
7	Cà chua	10 TCN 321-2003	
8	Cải bắp	10 TCN 318-2003	
9	Su hào	10 TCN 317-2003	

09685975

Số thứ tự	Mục	Tiêu chuẩn áp dụng	Ghi chú
10	Cải củ	10 TCN 320-2003	
11	Dưa hấu	10 TCN 470-2003	Dưa hấu thụ phần tự do
		10 TCN 471-2003	Dưa hấu lai
12	Dưa chuột	10 TCN 319-2003	Dưa chuột thụ phần tự do
13	Xoài	10 TCN 473-2001	
14	Sầu riêng	10 TCN 477-2001	
15	Chôm chôm	10 TCN 474-2001	
16	Dứa	10 TCN 462-2001	Chôi giống dứa
17	Hồng	10 TCN 466-2001	
18	Nhãn	10 TCN 464-2001	Giống nhãn phía Bắc
		10 TCN 476-2001	Giống nhãn phía Nam
19	Vải	10 TCN 465-2001	
20	Mãng cụt	10 TCN 475-2001	
II. Giống cây có múi		10 TCN 463-2001	
		10 TCN 113-1988	Cây cam con (yêu cầu kỹ thuật)
III. Giống chè: LDP1, LDP2		10 TCN 447-2001	Hom chè giống

CHỈ THỊ của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 61/2004/CT-BNN ngày 10/11/2004 về việc đẩy mạnh công tác phòng chống hạn đảm bảo sản xuất vụ đông xuân và vụ hè thu năm 2005.

Năm 2004, ở Bắc Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ mưa ít và mùa mưa kết thúc sớm; ở Trung Bộ đang trong mùa mưa, nhưng tổng lượng mưa còn rất nhỏ. Lượng mưa bình quân 10 tháng đầu năm hụt khoảng 30%, riêng trong mùa mưa

hụt khoảng 40% so với trung bình nhiều năm. Lượng dòng chảy trên các sông suối đều ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm và đang xuống nhanh. Lượng nước trữ trong các hồ chứa chỉ đạt từ 60 - 70% dung tích thiết kế, có hồ thấp dưới 50%, thậm chí đang ở mức nước chết. Theo dự báo, lượng mưa, lượng dòng chảy trên các sông suối trong vụ đông xuân 2004 - 2005 trên phạm vi cả nước đều ở mức thấp hơn trung bình nhiều năm, trong khi nhu cầu nước cho các ngành kinh tế và môi trường ngày càng tăng. Tình hình hạn hán đang diễn ra và có khả năng kéo dài, trên diện rộng, ảnh